

Số: /QĐ-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tuần 19 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 14 tháng 05 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 49 cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thu hồi 05 Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 19 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 05 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Minh Hùng	02/03/1998	054098009446	13/05/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi	001961/ĐL-GPHN	18/05/2026	22/04/2031	Cấp lại
2	Vũ Thị Thanh Huyền	15/11/2002	066302014843	12/06/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001998/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Kpă H' Kiêu	24/06/2004	066304009442	09/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001999/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Nguyễn Thị Trần Ly	12/08/1987	052187000852	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002000/ĐL-GPHN	18/05/2026	/ /2026	Cấp mới (thay đổi chức danh)
5	Cao Xuân Cường	02/09/1995	042095019651	17/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002001/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
6	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/02/1991	037191012786	05/06/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002002/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
7	Trương Trúc Khanh	29/04/2000	054300018077	26/03/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002003/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Lưu Tú Uyên	14/04/2000	054300005112	14/04/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002004/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Văn Thị Băng Gấm	17/07/2004	054304004116	18/11/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002005/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Nguyễn Thị Minh Nhật	11/06/1997	067197001667	18/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002006/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Võ Thành Tuệ	13/12/1991	051091011924	29/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002007/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Đặng Thị Thùy Dương	27/04/2000	066300009339	31/03/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002008/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
13	Võ Thị Thu Hiền	20/01/2000	054300011562	14/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học dự phòng	002009/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
14	Nguyễn Thị Minh Huy	29/08/2000	054300007705	20/03/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học dự phòng	002010/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Đỗ Thị Mỹ Duyên	11/12/2002	067302000788	07/07/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002011/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Nguyễn Thị Trang	08/05/1994	066194000837	10/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002012/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	H Rinh Niê	06/04/2003	066303001071	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002013/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	H Thu Thảo Apuôt	07/11/2003	066303004777	29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002014/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Hoàng Thị Cuôn	24/08/2004	066304010372	11/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002015/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
20	Huỳnh Tấn Ánh Minh	17/02/2004	066204001977	10/09/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002016/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
21	H Thăm Mdrang	20/01/2004	066304016174	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002017/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	H' Chinh Êñuôl	03/11/2004	066304005036	28/10/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002018/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	H Quyền Niê	11/09/2004	066304002074	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002019/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Phạm Nguyễn Xuân An	10/07/2000	054300010643	18/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002020/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	H Sa Ne Êban	05/11/2003	066303014793	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002021/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Nguyễn Trần Bảo Trân	02/10/2003	066303003548	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002022/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
27	Nguyễn Quốc Hoàng	27/12/1993	066093012944	13/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002023/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	Nguyễn Thị Diệu	03/11/2004	066304007625	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002024/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	H Trỗi Kpor	26/08/2003	066303003205	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002025/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Vũ Thị Phương Thanh	13/03/2002	066302015906	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002026/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	H La Vi Niê Kdăm	21/05/2004	066304007341	12/11/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002027/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
32	Vũ Ánh Ngọc	12/05/2003	066303013296	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002028/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Phan Trịnh Nhật Vy	09/10/1982	054182000288	14/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002029/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp lại
34	Huỳnh Thị Như Quỳnh	08/02/2002	054302005860	02/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002030/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
35	Hoàng Đoàn Trang	02/12/1990	038190004396	13/11/2017	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002031/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp lại
36	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/04/2004	052304004900	11/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	002032/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Lê Thị Mai Phương	01/02/2004	066304000352	08/06/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002033/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
38	Đoàn Duy Minh Quang	19/03/2002	066202009868	24/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002034/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
39	Hoàng Thị Kiều Giang	22/10/2001	042301011513	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002035/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
40	Phạm Mai Giang	23/01/2003	066303002354	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002036/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
41	Nguyễn Hoàng Ánh Nguyệt	20/11/2003	067303001213	10/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002037/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
42	Võ Thị Ngọc Nhung	21/12/2003	054303006822	08/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	002038/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
43	Nguyễn Văn Đường	06/10/2002	054202004379	16/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002039/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
44	Ngô Thúy Hiền	29/04/2003	066303005413	05/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002040/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
45	H Inso Mlô	03/06/2004	066304013964	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002041/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
46	Hoàng Ngọc Huyền Trân	09/08/2001	075301011288	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002042/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
47	Trần Xuân Nhuận	28/05/1986	031086018071	17/04/2026	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	002043/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)
48	H Ne Mlô	13/07/2003	066303017211	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002044/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
49	Đào Tấn Nguyên	10/03/1963	054063007834	12/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002045/ĐL-GPHN	18/05/2026	18/05/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 49 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 19 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 05 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Nguyễn Minh Hùng	02/03/1998	054098009446	001961/ĐL-GPHN	22/04/2026	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Nguyễn Thị Trần Ly	12/08/1987	221498640	0001130/PY-CCHN	09/09/2019	Kỹ thuật viên (Cử nhân xét nghiệm)	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Phan Trịnh Nhật Vy	09/10/1982	221088476	0001429/PY-CCHN	21/04/2015	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Huỳnh Thị Như Quỳnh	08/02/2002	054175002241	000213/PY-GPHN	02/10/2024	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Hoàng Đoàn Trang	02/12/1990	038190004396	003191/PY-CCHN	17/10/2022	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/ 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 05 cá nhân./.